TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2022
V/v *" Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Lệ

2. Ông Phan Văn Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc***,*** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 181/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Phi T, sinh năm XXX, có mặt

Địa chỉ: Số A, khu phố D, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Huỳnh Văn N, sinh năm XXXX, vắng mặt

Địa chỉ: Số A, khu phố D, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Phi T trình bày: Bà T và ông N kết hôn năm 1984, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống riêng trên đất và nhà do gia đình của bà T

cho. Sống hạnh phúc đến năm 1995 phát sinh mâu thuẫn gia đình, do ông N thường xuyên uống rượu về gia đình kiếm chuyện chưởi vợ rất nhiều lần, đến khi bà T lên thành phố H làm thuê thì ông N ghen, nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với người khác, ông N dùng lời lẽ thô tục chưởi xúc phạm bà T nhiều lần. Bà T cố chịu đựng cho đến năm 2018 vợ chồng không chung sống cho đến nay, không trao đổi tình cảm. Bà T yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung Huỳnh Lê Kim S sinh ngày XX/XX/XXXX và Huỳnh Lê Kim L sinh ngày XX/XX/XXXX, đã trưởng thành, không yêu cầu. Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết tài sản.

* Quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn N vắng mặt không có lời trình bày.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Phi T, bà T được ly hôn ông Huỳnh Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N.

[1] Về hôn nhân, bà Lê Phi T và ông Huỳnh Văn N tự nguyện kết hôn, được UBND xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/12/1984 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình như bà T trình bày, nên bà T yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn. Tòa án triệu tập ông N nhiều lần đến Tòa để hòa giải hàn gắn tình cảm, nhưng ông N không đến, cũng không gởi cho Tòa án ý kiến của ông N về việc bà T yêu cầu ly hôn, cho thấy ông N không muốn duy trì hôn nhân. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2] Về nuôi con chung, các con đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, ghi nhận đương sự không yêu cầu giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Bà T là người cao tuổi, được miễn nộp án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phi T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Phi T và ông Huỳnh Văn N.

2. Án phí sơ thẩm: Miễn án phí hôn nhân sơ thẩm cho bà Lê Phi T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- UBND xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng